



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẦU ĐUỐNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08 /2020/BC-CDG

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUỐNG
Địa chỉ: Km 14 - QL3, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội
Điện thoại: 043.9611346 Fax: 043.8800258
Website: www.cauduong.com.vn

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cầu Đuống
- Tên tiếng anh: Cauduong Joint Stock Company
- Tên viết tắt: CDC;JSC
- Mã chứng khoán: CDG
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0100104997 do sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/06/2006; thay đổi lần thứ 9 ngày 22/05/2019
- Vốn điều lệ: 34.649.950.000 (tại thời điểm 31/12/2019)
- Vốn chủ sở hữu: 34.649.950.000 (tại thời điểm 31/12/2019)
- Trụ sở chính: Km13- quốc lộ 3 – xã Mai Lâm – Đông Anh – Hà Nội
- Điện thoại: 0243.961.1346
- Fax: 0243.880.0258
- Email:cdc@cauduong.com.vn
- Website: www.cauduong.com.vn

Tầm nhìn - sứ mệnh:

- Tầm nhìn: Không ngừng đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của khách hàng, đưa Công ty cổ phần Cầu Đuống trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng nói chung và trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng nói riêng.
- Sứ mệnh: Không ngừng cải tiến và đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm cung cấp sản phẩm và dịch vụ hoàn hảo nhất, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. “Sự thịnh vượng và hài lòng của khách hàng” là tôn chỉ hoạt động của Chúng tôi.

Những thành tích đã đạt được:

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Cầu Đuống tự hào được công nhận là đơn vị thi đua xuất sắc ngành Xây dựng trong nhiều năm liền, Đảng bộ và Công đoàn trong sạch vững mạnh, An ninh tự vệ đạt thành tích xuất sắc.

Cho đến thời điểm này, Công ty đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều doanh nghiệp cao quý:

- + 01 Huân chương Lao động hạng nhất;
- + 01 Huân chương Lao động hạng nhì;
- + 04 Huân chương Lao động hạng ba;
- + 01 Huân chương Chiến công hạng ba;
- + 01 Huân chương Độc lập hạng ba;
- + 05 Cờ thi đua Xuất sắc của Bộ xây dựng và UBND Thành phố Hà Nội;
- + 02 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Quá trình hình thành và phát triển

- + 1905: Tiền thân là Xưởng gạch Hưng Ký, bắt đầu hoạt động từ năm 1905 với quy mô công nghiệp hình thành vào loại sớm nhất Đông Dương
- + 05/02/1959: Xí nghiệp Công tư hợp doanh Gạch ngoài Cầu Đuống được thành lập theo Quyết định số 281/KTTC ngày 05/02/1959 của Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Ninh
- + Năm 1992: Đổi tên là Xí nghiệp Gạch ngói Cầu Đuống thuộc Sở Xây dựng Hà Nội
- + Năm 1995: Đổi tên là Công ty Vật liệu xây dựng Cầu Đuống
- + Năm 2002: Đổi tên là Công ty Đầu tư Xây dựng và Sản xuất vật liệu Cầu Đuống
- + Tháng 12/2004: Trở thành đơn vị đơn vị thành viên trực thuộc Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC.
- + Năm 2006: Từ hình thức sở hữu Nhà nước, Công ty tiến hành xong việc cổ phần hóa và chính thức mang tên Công ty cổ phần Cầu Đuống.
- + Ngày 27/02/2017: Cổ phiếu CDG của Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) chấp thuận đăng ký giao dịch chính thức trên sàn chứng khoán UpCoM.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kinh doanh và làm đại lý vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất phục vụ chuyên ngành xây dựng;
- Kinh doanh vận chuyển đường bộ; Kinh doanh bốc xếp, bến thủy nội địa;

- Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, kho bãi;
- Thi công lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35 KV;
- Mở trường, trung tâm đào tạo nghề;
- Chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm);
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất và các loại vật liệu khác;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Lập, quản lý, thực hiện các dự án phát triển nhà, hạ tầng đô thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ.

4. Định hướng phát triển.

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Mục tiêu của Công ty là sử dụng vốn có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh; tối đa hoá lợi nhuận, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp ngày càng lớn vào Ngân sách Nhà nước, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động và phát triển Công ty ngày một lớn mạnh.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Duy trì sản xuất vật liệu nung và không nung theo hướng tập trung, cho thuê và cắt giảm các công đoạn không hiệu quả hướng tới mục tiêu có lãi, bù lỗ lũy kế và được chia cổ tức.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Kết quả hoạt động SXKD trong năm 2019

- Doanh thu (bao gồm doanh thu bán hàng, dịch vụ, doanh thu tài chính và thu nhập khác) là: 38,93 tỷ đồng đạt 108,23% kế hoạch, bằng 139,03% so với năm 2018.

- SP sản xuất quy TC: 16,38 triệu viên đạt 60,67 % KH, bằng 62,97% so với năm 2018.

- Nợ ngân sách: 10,13 tỷ đồng đạt 100% theo quy định, bằng 122,39% so với năm 2018.

- Thu nhập bình quân: 5,6 triệu đồng/người/tháng, đạt 101,82 % KH, bằng 97,05% so với năm 2018.

- Lợi nhuận lãi 3,01 tỷ đồng; **kế hoạch 2019 lãi 4,345 tỷ đồng bằng 69,4% so với kế hoạch và bằng so với 2018 (lãi 4,537 tỷ đồng)**

Trong đó:

+ Xi nghiệp Mai Lâm lỗ : - 1,818 tỷ đồng

- + *Xí nghiệp Không nung lõi : 0,53 tỷ đồng.*
- + *Xí nghiệp Sóc Sơn lõi : 1,68 tỷ đồng.*
- + *Xí nghiệp Cầu Đuống lõi : 2,07 tỷ đồng.*
- + *Thuê khoán, khác lõi: 0,49 tỷ đồng*
- + *Các hoạt động khác lỗ: - 0,87 tỷ đồng.*
- + *Tiền gửi có kỳ hạn lãi : 0,8 tỷ đồng.*

Nguyên nhân năm 2019 toàn công ty chỉ lãi 3,01 tỷ đồng, đạt **69,4%** kế hoạch chính là do XN Mai Lâm ngừng sản xuất 04 tháng do hàng hóa tồn đọng quá nhiều. HĐQT Công ty đã rất quyết liệt trong khâu tiêu thụ hàng tồn kho, làm việc với Tổng Công ty ĐTPT Hạ tầng Đô thị UDIC để cấp gạch cho các đơn vị thi công của Tổng Công ty tại KĐT Nam Thăng Long. Tuy nhiên thị trường gạch trong năm vừa qua cung vượt cầu nhiều, giá bán các đơn vị tư nhân trên địa bàn rất thấp, để tiêu thụ được Công ty đã hạ giá bán dẫn tới sản lượng tiêu thụ tăng, doanh thu tăng nhưng kết quả sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng bị thua lỗ trên 1,8 tỷ đồng.

Như vậy, kết quả SXKD năm 2019 chưa đạt được mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

2. Những hoạt động của HĐQT

Năm 2019 là năm kết thúc nhiệm kỳ 2014-2019. Tại Đại hội đồng cổ đông ngày 26/4/2019 đã tiến hành bầu cử HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024 gồm 05 thành viên.

Năm 2019 HĐQT họp 08 phiên với các nội dung:

- Tổng hợp phân tích kết quả SXKD năm 2018, xây dựng phương hướng SXKD năm 2019, nhiệm kỳ 2019-2024.

- Tiến hành Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2019-2024 tại công ty Cầu Đuống theo đúng kế hoạch.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy và công tác nhân sự. Bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ mới, bổ nhiệm mới Ban giám đốc, kế toán trưởng, giám đốc Trung tâm tư vấn, bổ nhiệm lại các trưởng phòng, giám đốc Xí nghiệp.

- Thay đổi Đăng ký doanh nghiệp do bổ nhiệm Tổng giám đốc mới làm người đại diện pháp luật.

- Xóa bỏ việc cho thuê mặt bằng đối với các hợp đồng hết hạn, triển khai cho thuê tài sản theo hình thức tự đầu tư tài sản hoặc đi thuê tài sản, thuê tài chính để cho thuê, cụ thể:

- + Công ty đã đi thuê trạm trộn và cho công ty Hợp Thành thuê lại tại khu đất XN Không Nung với thời hạn 03 năm, kể từ 01/06/2019-31/5/2022.

- + Đầu tư xưởng cơ khí với diện tích 780m² tại khu đất XN Không Nung cho công ty Toàn Linh thuê làm xưởng cơ khí.



- Quy hoạch lại mặt bằng Mai Lâm, một mặt chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành. Mặt khác đẩy mạnh tiêu thụ hàng tồn kho để tận dụng mặt bằng dư thừa thực hiện đầu tư tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. HĐQT đã giao cho Tổng giám đốc lập dự toán xây dựng dãy nhà xưởng sau văn phòng và sau phòng bán hàng để cho thuê. Tìm khách hàng thuê lại kho than than pha số 2 công ty không có nhu cầu sử dụng.

- Đối với hoạt động xây lắp, cơ khí, để đảm bảo an toàn tài chính công ty, HĐQT đã thống nhất dừng hoạt động từ ngày 01/07/2019, giao cho các đơn vị thu hồi công nợ theo Nghị quyết.

- Nghiên cứu triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh tại Xí nghiệp gồm XD Cầu Đuống sau khi hết hạn cho thuê khoán lần 2 vào ngày 29/02/2020.

- Tiếp tục triển khai việc trả lương của cán bộ quản lý theo kết quả SXKD để tăng tính tích cực, chủ động của cán bộ trong điều hành.

- Quyết liệt trong triển khai các công việc liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của công ty. Kết quả ngày 02/03/2020 đã ký được Hợp đồng thuê đất khu trụ sở công ty và XN Mai Lâm, sau khi khu đất này hết thời hạn thuê từ năm 2016. Hiện công ty đang làm thủ tục cắm mốc giới.

- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý I, II, III, tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh 2019 và lập kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020.

- Xây dựng Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

3. Định hướng SXKD năm 2020 :

- Tiếp tục phấn đấu thực hiện KH SXKD đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2019-2024 đã đề ra.

2.1 Mục tiêu cụ thể năm 2020:

- Doanh thu đạt: 28,12 tỷ đồng.
- SP quy đổi TC : 24,2 triệu viên.
- Nộp ngân sách: 100% theo quy định.
- Thu nhập bình quân 5,5 triệu đồng/người/tháng.
- Lợi nhuận: 3,98 tỷ đồng.

2.2 Định hướng SXKD :

- Công ty khẩn trương **hoàn thiện cắm mốc giới tại XN Mai Lâm, thủ tục đất đai ở các XN Cầu Đuống, XN Cơ Khí** trong năm 2020.

- Tiến hành quy hoạch các khu đất của công ty, căn cứ mục đích sử dụng đất, tiến hành đầu tư, thuê mua tài chính, thiết bị, tài sản để tự kinh doanh hoặc hợp tác kinh doanh, cho thuê, phát huy tối đa tiềm năng, **lợi thế** vị trí đất của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện công nghệ tại XN Mai Lâm nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm, sản xuất các loại sản phẩm chất lượng tính cạnh tranh cao, hiệu quả để phát huy tối đa hiệu quả đầu tư và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh cho công ty.

- Nghiên cứu đầu tư hướng kinh doanh mới nhằm phát huy lợi thế, tiềm năng của công ty

4. Một số giải pháp cần thực hiện năm 2020:

Năm 2020 là năm thứ 2 của nhiệm kỳ HĐQT 2019-2024 đề nghị TGD và bộ máy quản lý tập trung quyết liệt hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- *Về hồ sơ đất*: Tích cực tìm hiểu, liên hệ với cơ quan chức năng, tìm kiếm sự hỗ trợ của các cổ đông để hoàn thành hồ sơ đất đai của các khu đất đã hết hạn thuê.

- *Về SXKD Vật liệu xây dựng nung*:

+ Cần tuyển dụng cán bộ quản lý sản xuất công nghệ có năng lực, trả lương theo chất lượng sản phẩm.

+ **Thăm** quan học tập nâng cao năng lực trình độ chuyên môn cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và công nhân, bộ máy quản lý sản xuất của Xí nghiệp Mai Lâm nâng cao hiệu quả việc đầu tư đổi mới công nghệ.

+ **Mở** rộng mối quan hệ hợp tác với các khách hàng tiềm năng để đẩy mạnh việc sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm có lãi như gạch 6 lỗ đã thực hiện trong quý 4/2019. Kiện toàn lại hệ thống đại lý, xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt và chủ động.

+ Lập kế hoạch truyền thông, củng cố việc quản lý trang Web quảng bá hình ảnh công ty để quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu công ty.

+ Xây dựng các định mức chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật sát với thực tế sản xuất theo hướng khuyến khích, có lợi cho người lao động hoàn thành nhiệm vụ.

+ Thực hiện nghiêm các qui định, nội qui về ATLĐ chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp, đảm bảo vệ sinh môi trường cho công ty, sức khỏe người lao động.

+ Hoàn thiện Quy chế thi đua khen thưởng theo hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng xuất lao động để động viên khuyến khích người lao động hoàn thành kế hoạch.

- *Về SXKD Vật liệu xây dựng Không Nung*:

Đẩy mạnh việc tiêu thụ hàng tồn kho, thanh lý máy móc thiết bị không có nhu cầu sử dụng, lấy mặt bằng tiến hành đầu tư tài chính.

- *Về Đầu tư tài chính*:

+ Trước mắt tập trung vào các khu đất chưa sử dụng tại XN Mai Lâm, Không Nung vì đã có hợp đồng thuê đất và mốc giới. Trong quý 2/2020 hoàn thành dựng nhà xưởng khu đất sau văn phòng và nhà bán hàng để đưa vào SXKD.

+ Xây dựng phương án đầu tư tài chính khu đất XN Cầu Đuống sau khi **hết hạn hợp đồng thuê khoán sản xuất gạch nung**.

- Về hoạt động thuê khoán:

Công ty thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hiện hợp đồng thuê khoán, kiểm tra tình trạng sử dụng đất của các đơn vị thuê khoán, không để phát sinh việc tự ý xây dựng, coi nới. Bảo toàn lợi ích của công ty, đảm bảo an ninh chính trị, môi trường, tuân thủ các qui định của pháp luật. Kiện toàn lại hồ sơ pháp lý để tránh rủi ro khi kết thúc, bàn giao lại các XN hợp đồng thuê khoán.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Thực hiện kế hoạch sản lượng sản xuất VLXD

- Tổng doanh thu tại công ty đạt 38,93 tỉ đồng bằng 139% so với năm 2018. Các chỉ tiêu cụ thể thể hiện ở **Phụ lục số 1 “Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019”**.
- Doanh thu tăng ở tất cả các hoạt động của Công ty, trong đó tăng nhiều nhất ở lĩnh vực xây lắp, cơ khí lên đến 189% mặc dù chỉ thực hiện trong 6 tháng đầu năm sau đó dừng hoạt động.

1.1 Sản xuất vật liệu xây dựng

- Vật liệu xây dựng nung (tại XN Mai Lâm):
 - + Dừng lò 2 lần đầu năm và đầu quý 3 do công tác tiêu thụ chậm đồng thời tiến hành cải tạo sửa chữa lò nung sáy.

+ Thực hiện sản xuất 13.621.261 viên, tương ứng 16.382.005 viên QTC bằng 60,7% so kế hoạch và 63% so với năm 2018, trong đó tăng cơ cấu sản phẩm có giá trị cao như gạch không trát, gạch lát, ngói lên gần 8,3%. Lượng tiêu thụ toàn công ty bằng 137% lượng sản xuất, sản phẩm tồn kho giảm từ 13,4 tr viên năm 2018 xuống còn 8,615 triệu viên năm 2019.

- Vật liệu xây dựng không nung:

+ Đối với gạch không nung và ngói mẫu: Tiêu thụ hàng tồn kho được 582.986 viên các loại tương đương 737.129 viên QTC bằng 221% so với kế hoạch, lượng tồn kho cuối năm còn 321.655 viên.

Doanh thu vật liệu không nung thực hiện 508 triệu đồng bằng 193% so cùng kỳ năm 2018 và 183% so với KH.

1.2 Lĩnh vực cơ khí, xây lắp:

- Tiếp tục thi công và thu hồi công nợ các hợp đồng dở dang; Xí nghiệp Cơ khí đạt doanh thu 363,2 triệu đồng; xây lắp đạt 7,512 tỷ đồng. Từ 01/7/2019 ngừng hoạt động tại lĩnh vực này, giao cho các đơn vị thu hồi công nợ theo Nghị quyết HĐQT.

1.3 Công tác thuê khoán, liên doanh hợp tác:

Doanh thu từ hoạt động cho thuê và liên doanh đạt 13,799 tỷ đồng.

Hoạt động thuê khoán:

- Đối với các hợp đồng đã ký: duy trì công tác kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thuê khoán thực hiện tốt nghĩa vụ của mình đúng quy định theo hợp đồng. Đến nay các đơn vị đã hoàn thành việc thanh toán tiền thuê khoán năm 2019.

- Đối với các hợp đồng sắp hết hạn: Đàm phán với các đơn vị đang thuê tiếp tục hợp đồng theo hình thức gia hạn. Việc thuê khoán tại Xí nghiệp Cầu Đuống đã thương thảo gia hạn hợp đồng với Công ty CP VLXD Cầu Đuống ngay trước khi Hợp đồng hết hiệu lực với giá thuê khoán trước thuế từ tháng 3 năm 2020 là 2,7 tỷ đồng/năm, thời gian gia hạn là 1 năm. Với kết quả này Công ty không mất thời gian và chi phí bàn giao, tuy nhiên giá trị giảm 800 triệu/năm so với hợp đồng trước.

Hoạt động liên doanh hợp tác:

- Đã điều chỉnh các hợp đồng liên doanh và cho thuê nhằm đảm bảo tính pháp lý, phù hợp với ngành nghề khu đất và kết hợp với đối tác khắc phục các quy định về phương thức hạch toán.

- Ký lại hợp đồng hợp tác đối với Công ty TNHH HDWOOD VIET NAM trong việc thuê kho, nền và số đông 4.983 m² tại khu đất Xí nghiệp Cầu Đuống - xã Mai Lâm.

Nhìn chung tất cả các hoạt động liên doanh và cho thuê khoán còn lại đều đem lại hiệu quả, các đơn vị nhận thuê khoán đều thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng. Tuy nhiên trong việc thanh toán của các đơn vị sản xuất gạch có tình trạng chậm trả do tình hình sản xuất khó khăn.

2. Công tác quản lý chất lượng sản xuất VLXD - Máy móc thiết bị:

- Nhìn chung công tác chất lượng vẫn duy trì ổn định, tăng cường cán bộ kỹ thuật giám sát xuyên suốt quy trình nhằm giám sát chặt chẽ quá trình sản xuất. Việc phân loại sản phẩm được chú trọng thực hiện, các khâu, các bộ phận đều được thường xuyên nhắc nhở thực hiện đúng quy định nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, giữ được uy tín của công ty.

- Tiếp tục duy trì sử dụng than xít để pha vào gạch mộc kết hợp việc sử dụng dây chuyền nghiền sa mốt vừa xử lý được chất thải rắn đồng thời phát huy được hiệu quả công nghệ mới nâng chất lượng sản phẩm. Cuối năm đã tiến hành nhập đất, chất lượng tương đối tốt, lượng dự trữ tăng nên chủ động trong sản xuất. Tỷ lệ phẩm cấp tăng và tiêu hao vật tư vẫn được duy trì tiết kiệm hơn so với định mức.

- Quản lý máy móc thiết bị: Công tác bảo dưỡng luôn được chủ động thực hiện và sửa chữa kịp thời tránh làm ảnh hưởng đến sản xuất. Sử dụng biến tần điều chỉnh tốc độ động cơ của thiết bị đã tăng cường làm chủ công nghệ, giảm chi phí điện năng và tăng năng suất ca máy. Đối với hệ thống quạt sử dụng biến tần dễ dàng điều chỉnh chế độ nung đốt dẫn đến tiết kiệm điện và than trong khâu nung đốt. Đầu tư cơ giới hóa gần như 100% các công đoạn, lắp hệ thống tời, điều khiển từ xa, ... nhằm cải thiện điều kiện cho người lao động.

Kết quả Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí than điện tại xí nghiệp Mai Lâm với hơn 12 tấn than và 13 nghìn kw điện so với định mức.

3. Công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm:

Để khắc phục khó khăn về tiêu thụ sản phẩm, Công ty đã thực hiện một số giải pháp sau:

- Thay đổi nhân sự làm công tác thị trường, chú trọng, sâu sát đến các yêu cầu tại công trình của nhà thầu thi công hay giám sát công trình nhằm đáp ứng được yêu cầu tiến độ cũng như chất lượng của công trường.

- Cơ cấu sản phẩm sản xuất theo nhu cầu thị trường, tập trung vào sản xuất các loại sản phẩm có nhu cầu lớn mà thị trường đang thiếu như gạch 6 lỗ, 2 lỗ 80; tiếp tục khai thác hợp đồng về các loại sản phẩm có giá trị cao như ngói, gạch bát, đặt hàng phục chế.

- Chú trọng phát triển thêm đại lý và điều chỉnh cơ chế chính sách về giá, chiết khấu nhằm tăng cường tiêu thụ các sản phẩm có hiệu quả kinh tế cao. Đã có biện pháp điều chỉnh sản xuất khớp với yêu cầu của thị trường nhằm giảm các chi phí ra lò, bốc xếp nhằm cạnh tranh về giá đối với các sản phẩm đưa vào công trình.

4. Tổ chức, lao động, tiền lương:

-Tổ chức:

Sau khi Đại hội cổ đông, HĐQT đã bổ nhiệm Tổng giám đốc mới; Ban lãnh đạo Công ty đã tiến hành rà soát, phân công lại nhiệm vụ cho bộ máy quản lý công ty cho phù hợp với điều kiện sản xuất mới của doanh nghiệp, trên tinh thần kiêm nhiệm thêm công việc và hạn chế các khâu trung gian để tiết giảm chi phí và tăng hiệu quả công việc. Đến tháng 11 năm 2020 đã bổ nhiệm 01 phó Tổng giám đốc.

- Lao động, việc làm:

+ Đặc thù sản xuất gạch là ngành nặng nhọc, lại ở địa bàn gần Hà Nội, sức hấp dẫn lao động rất thấp nên tình trạng lao động nghỉ việc mà không tuyển thêm được. Hiện tại xí nghiệp Mai Lâm chỉ còn 57 lao động trực tiếp, nhờ việc đầu tư, áp dụng công nghệ mới vào sản xuất giảm được hao phí lao động nên đã hạn chế tình trạng thiếu lao động.

+ Đào tạo công nhân có khả năng thành thạo một việc, biết làm được nhiều việc để bố trí thay thế khi cần thiết, tăng tính chủ động trong sản xuất.

- Tiền lương:

+ Công ty áp dụng việc trả lương theo thang bảng lương doanh nghiệp, đến năm 2019 đã áp dụng với mức lương cơ sở vùng 1 là 4.180.000 đồng. Xây dựng lại thang bảng lương và cải tiến phương pháp trả lương phù hợp hơn với từng bộ phận trực tiếp, gián tiếp trên cơ sở gắn với từng công việc cụ thể. Tiền lương của cán bộ quản lý được xây dựng trả theo kết quả SXKD, cán bộ kỹ thuật được xây dựng trả theo kết quả sản xuất.



+ Rà soát lại định mức đơn giá tiền lương, điều chỉnh phù hợp với việc đổi mới công nghệ.

Tiền lương 2019 do dừng lò nhiều nên thu nhập bình quân người lao động chỉ đạt 5,6 triệu đồng, bằng 97% so với năm 2018.

5. Công tác tài chính.

+ Do thuận lợi về tình hình tài chính nên mặc dù tiêu thụ chậm nhưng Công ty vẫn phục vụ đủ và kịp thời cho sản xuất; Năm 2019 phần tài chính dôi dư đã lựa chọn được Ngân hàng có lãi cao hơn nhằm tăng hiệu quả tiền gửi.

+ Duy trì tốt các quy định quản lý Công ty về quản lý tài chính, tài sản, vật tư.

6. Giải quyết hồ sơ đất đai:

Tiếp tục phối hợp với các ban ngành chức năng và thuê đơn vị tư vấn giải quyết các thủ tục về hồ sơ đất đai. Các việc đã giải quyết đến nay như sau:

Khu đất XN Mai Lâm, XN Không nung tại xã Dục Tú: Đã ký được hợp đồng thuê đất mới với thời hạn hàng năm; Hiện tại đang gửi hồ sơ đến Sở tài nguyên và môi trường xin cắm mốc giới.

Khu đất nhà cơ khí tại xã Mai Lâm: Các đơn vị liên quan như Sở TNMT, Sở Quy hoạch kiến trúc và Phòng TNMT huyện Đông Anh xác định hiện trạng sử dụng để tiến hành ký hợp đồng thuê đất.

Hồ sơ đất của XN Cầu Đuống: Đang ký hợp đồng với đơn vị đo đạc để xác định phần diện tích được sử dụng (không thuộc phạm vi bảo vệ kè Yên Viên); Sau đó xin thành phố ra Quyết định cho thuê đất trên diện tích mới.

Hồ sơ đất của XN Sóc Sơn: Công ty đang tiếp tục làm việc với Sở TNMT xin xác định lại giá thuê đất.

8. Kết quả

Với kết quả đạt được như trên, dự kiến Công ty có lãi năm 2019 là 3,015 tỷ đồng. Cụ thể:

- Xí nghiệp Mai Lâm (gồm thuê MB): kế hoạch lãi 79 triệu đồng - thực hiện lỗ **1,818** tỷ đồng - không đạt kế hoạch (năm 2018 lỗ 1,057 tỷ đồng).
- Xí nghiệp không nung (gồm hợp tác liên doanh): kế hoạch lỗ 2 triệu đồng - thực hiện lãi **531,9** triệu đồng (năm 2018 lỗ 57 tỷ đồng).
- Hoạt động thuê khoán (trừ Mai Lâm, Không nung): kế hoạch lãi 3,648 tỷ đồng - thực hiện lãi 4,257 tỷ đồng - đạt 117% so với kế hoạch, bằng 85,8% so với cùng kỳ.
- Hoạt động tài chính tiền gửi: kế hoạch lãi 400 triệu đồng - thực hiện lãi **804,7** triệu đồng - đạt **201%** so với kế hoạch, bằng **116,5%** so với cùng kỳ.

III. TỒN TẠI:

1. Nguyên vật liệu:

- Nguồn nguyên liệu đất không nhiều do đó việc bố trí nhận đất phụ thuộc nhiều vào đơn vị cung ứng, chất lượng lẫn tạp chất khó kiểm soát do nguồn gốc chủ yếu vẫn là

khai thác tại các công trình xây dựng. Việc quy hoạch kho bãi chứa đất cùng với kế hoạch nhận đất không ổn định nên khó kiểm soát được tỷ lệ pha trộn làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

- Than pha hiện tại đang dùng tại nguồn mỏ Bồ Hạ, Bắc Giang có nhiệt năng không ổn định, do đó tỷ lệ pha sẽ khó chính xác.

2. Công tác kỹ thuật, chất lượng sản phẩm:

- Về công nghệ: do thời gian dùng lò nhiều nên một số công nhân có tay nghề cao đã nghỉ việc, do đó công nhân mới được đào tạo còn chưa đủ kinh nghiệm để xử lý các vấn đề về chế độ nung đốt.

3. Công tác thị trường - tiêu thụ sản phẩm:

- Sản phẩm đến công trình phụ thuộc nhiều vào đại lý, tiếp thị về phương tiện vận chuyển và phương thức giao nhận. Chưa tiếp cận được trực tiếp với nhà thầu hoặc chủ đầu tư do vậy giá bán thường bị đẩy cao khó tiếp cận vào công trình.

- Sản phẩm đôi khi không sản xuất kịp nên không đáp ứng được tiến độ công trình nên khách hàng chuyển đơn vị cung ứng khác..

- Việc phối hợp tiêu thụ sản phẩm trong nội bộ với Tổng Công ty đã được triển khai nhưng giá bán thấp không hiệu quả.

4. Công tác tổ chức, lao động, tiền lương:

4.1 Tổ chức:

- Việc tuyển dụng, xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ có năng lực kế cận nhằm duy trì và phát triển Công ty còn có phần hạn chế. Công tác tư tưởng, tạo dựng niềm tin cho người lao động còn kém hiệu quả do đó không tuyển dụng thêm được người có năng lực, một số cán bộ xin chuyển công tác.

4.2 Lao động:

+ Công tác tổ chức sắp xếp lao động còn chưa hợp lý ở các công đoạn như ra lò, bốc xếp, va gông nên, đồng thời việc kỷ luật chưa nghiêm dẫn đến ảnh hưởng đến năng suất chất lượng sản phẩm..

+ Việc tuyển chọn lao động không thực hiện được, công việc nặng nhọc nên không giữ được lao động; các bộ phận cần có trình độ tay nghề cao như vận hành, đốt lò dần mai một.

4.3 Tiền lương: Thu nhập của người lao động đã đạt được mức lương tối thiểu vùng. Tuy nhiên mức thu nhập giữa các tổ có sự chênh lệch. Thu nhập bình quân toàn công ty chỉ đạt 5,6 triệu đồng/người.

5. Công tác tài chính - kế toán

- Chưa tận dụng hết nguồn lực để nâng thêm thu nhập từ mặt bằng, nhà xưởng để cho thuê do chưa hoàn thiện hết thủ tục đất đai.

- Công tác đơn đốc thu hồi công nợ của các Hợp đồng thuê khoán vẫn còn tình trạng chậm thanh toán.

7. Giải quyết hồ sơ đất đai

- Công tác triển khai hồ sơ đất đai triển khai chậm do phải khắc phục các tồn tại trước đây để thời gian trôi đi quá dài.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Dự báo tình hình

Dự báo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 sẽ ở mức trung bình do vẫn còn tiếp tục khó khăn bởi sự cạnh tranh của những đơn vị tư nhân trong khu vực nhưng Công ty đã và đang tiếp cận được một số công trình có lượng tiêu thụ lớn.

- Chi phí sản xuất khả năng tiếp tục tăng như chi phí về môi trường, tiền lương, bảo hiểm xã hội...
- Tình hình thời tiết sẽ khắc nghiệt hơn ảnh hưởng đến sản xuất.
- Ngành sản xuất gạch đem lại hiệu quả không cao nên hiệu quả thuê khoán các đơn vị làm gạch sẽ giảm.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 (*Phụ lục 2*)

Mục tiêu:

- Duy trì ổn định sản xuất, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty lãi : 3,986 tỷ đồng.
- Doanh thu: 28,121 tỷ đồng. Trong đó:
 - + Doanh thu VLXD: 18,445 tỷ đồng
 - + Doanh thu từ cho thuê khoán, tiền gửi: 9,676 triệu đồng

3. Các biện pháp chủ yếu

3.1 Công tác đầu tư :

- Đầu tư xây dựng nhà kho tại Xí nghiệp Mai Lâm với diện tích khoảng 1.500m² để khai thác hiệu quả việc sử dụng đất.

3.2 Sản xuất:

Vật liệu xây dựng nung:

- Kế hoạch sản xuất tại các Xí nghiệp: Xí nghiệp Mai Lâm tắt lò 1 tháng do tiêu thụ chậm.
- Về sản phẩm:
 - + Gạch lỗ các loại: 75%
 - + Gạch đặc: 17%
 - + Ngói, gạch bát, gạch không trát: 8%

3.3 Cung cấp nguyên liệu:

- Tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm các nguồn nguyên liệu đất ổn định để đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất tại các xí nghiệp. Duy trì nguồn nguyên liệu than nhiệt thấp hơn trước có giá thành rẻ để bổ xung cho nguồn sa một hiện có.

3.4 Công tác thị trường:

- Kết hợp việc điều tiết sản xuất sản phẩm linh hoạt, đảm bảo tiến độ cung cấp sản phẩm và chính sách giá cả theo yêu cầu hợp lý của khách hàng.

- Đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, ký thêm hợp đồng đại lý. Nghiên cứu xây dựng lại các chính sách bán hàng cho phù hợp để thúc đẩy đại lý tiêu thụ sản phẩm. Điều chỉnh chính sách phù hợp để tiêu thụ gạch không nung và ngói màu tồn kho.

- Chủ động và đa dạng hóa các kênh vận chuyển để cung cấp cho khách hàng sản phẩm có giá đến công trình phù hợp nhất.

3.5 Công tác kỹ thuật, quản lý máy móc thiết bị, an toàn:

- Phát huy hiệu quả việc đầu tư tại XN Mai Lâm, duy trì ổn định sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí lao động, than, điện.

- Chất lượng sản phẩm: Nâng cao chất lượng sản phẩm giá trị cao về hình thức mẫu mã, chi tiêu cơ lý, nghiên cứu tăng năng lực sản suất nhằm đảm bảo tiến độ cấp hàng khi có hợp đồng. Phân đấu cải thiện công nghệ sản xuất giảm tỷ lệ phế phẩm và tiêu hao vật tư thấp hơn định mức. Giữ vững uy tín về thương hiệu sản phẩm.

- Quản lý máy móc thiết bị: đẩy mạnh áp dụng các biện pháp kỹ thuật để nâng cao năng suất chất lượng SP. Duy trì bảo dưỡng máy móc thiết bị ổn định phục vụ cho sản xuất.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị cơ giới để nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, đảm bảo sản xuất được an toàn.

3.6 Công tác tổ chức, lao động, tiền lương:

Tổ chức:

- Sát nhập quản lý văn phòng và các xí nghiệp thành một bộ máy chung quản lý toàn công ty. Phân công lại chức năng nhiệm vụ của từng cá nhân, loại bỏ dần các khâu trung gian.

Lao động:

Đối với bộ máy quản lý:

- Tiếp tục rà soát, tinh giảm biên chế, phân công lại chức năng nhiệm vụ của từng cá nhân, loại bỏ dần các khâu trung gian, tránh chồng chéo, lãnh phí, giảm chi phí tiền lương.

- Đào tạo nâng cao năng lực cán bộ nhân viên quản lý theo hướng mỗi cá nhân cần có năng lực quản lý trực tiếp điều hành một mặt cụ thể của hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tự chịu trách nhiệm về công việc được giao.

Đối với Công nhân:

- Đối với lao động có trình độ, tay nghề cần có biện pháp khuyến khích tạo điều kiện để yên tâm công tác.



- Đào tạo, hướng dẫn công nhân làm được nhiều việc trong dây chuyền để chủ động trong việc điều hành sản xuất.

- Tìm biện pháp cơ giới hóa khâu ra lò để giảm hao phí lao động, kết hợp với việc triển khai bán gạch trên goòng để giảm chi phí khâu ra lò.

Phấn đấu tăng năng suất giảm dần hao phí lao động xuống còn 2,2 người/triệu viên.

Tiền lương:

+ Tiếp tục điều chỉnh lại định mức lao động, đơn giá tiền lương các loại sản phẩm cho sát với thực tế nhằm khuyến khích lao động.

3.7 Công tác tài chính:

- Giải quyết dứt điểm công tác thu hồi công nợ tồn đọng và các vấn đề tồn tại về tài chính.

- Nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm giá thành, tăng giá trị sản phẩm đầu ra. Tích cực thu hồi công nợ, thanh toán kịp thời cho các khoản vay, nợ.

- Duy trì tiền gửi tại Ngân hàng có lãi cao hơn tăng hiệu quả của phần tài chính dôi dư.

- Quy hoạch sử dụng đất hợp lý, tăng hiệu quả sử dụng nhằm tăng thêm nguồn thu cho Công ty.

- Tìm thêm các đối tác cung ứng vật tư để nâng cao tính cạnh tranh, giảm chi phí đầu vào.

3.8 Hoạt động cho thuê khoán, liên doanh:

- Đối với các hợp đồng đã ký: duy trì công tác kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thuê khoán thực hiện tốt nghĩa vụ của mình đúng quy định theo hợp đồng.

- Đối với các hợp đồng sắp hết hạn: Đàm phán với các đơn vị đang thuê tiếp tục hợp đồng theo hình thức gia hạn từng năm một, cần tính toán lại chi phí cho phù hợp với thị trường.

- Nghiên cứu điều chỉnh hợp đồng cho đảm bảo tính pháp lý, phù hợp với ngành nghề khu đất và kết hợp với đối tác khắc phục các quy định về phương thức hạch toán.

- Đối với xí nghiệp không nung: Thanh lý khi hết hạn hợp đồng, chuyển sang phương thức hoạt động khác.

4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

- Hoàn thiện nốt hệ thống cấp nước sạch về Công ty.

- Đầu tư lắp dựng 2 nhà xưởng khung thép để các đối tác thuê ở Mai Lâm.

- Xây hoàn chỉnh nốt hệ thống tường rào bảo vệ biên giới ở Xí nghiệp Mai Lâm sau khi bàn giao xong mốc giới.

- Sơn bảo vệ bên ngoài nhà làm việc 3 tầng văn phòng Công ty.

5. Công tác quản lý đất đai:

- Tích cực làm việc với cơ quan chức năng để hoàn thiện thủ tục xác định giá đất, ký Hợp đồng thuê đất và xác định mốc giới.

Trên đây là Bản báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019, phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2020 và các biện pháp thực hiện để hoàn thành kế hoạch năm 2020.

IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính; Báo cáo kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán (Phụ lục đính kèm).

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE).

- Ý kiến kiểm toán độc lập:

+ Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày;

+ Phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

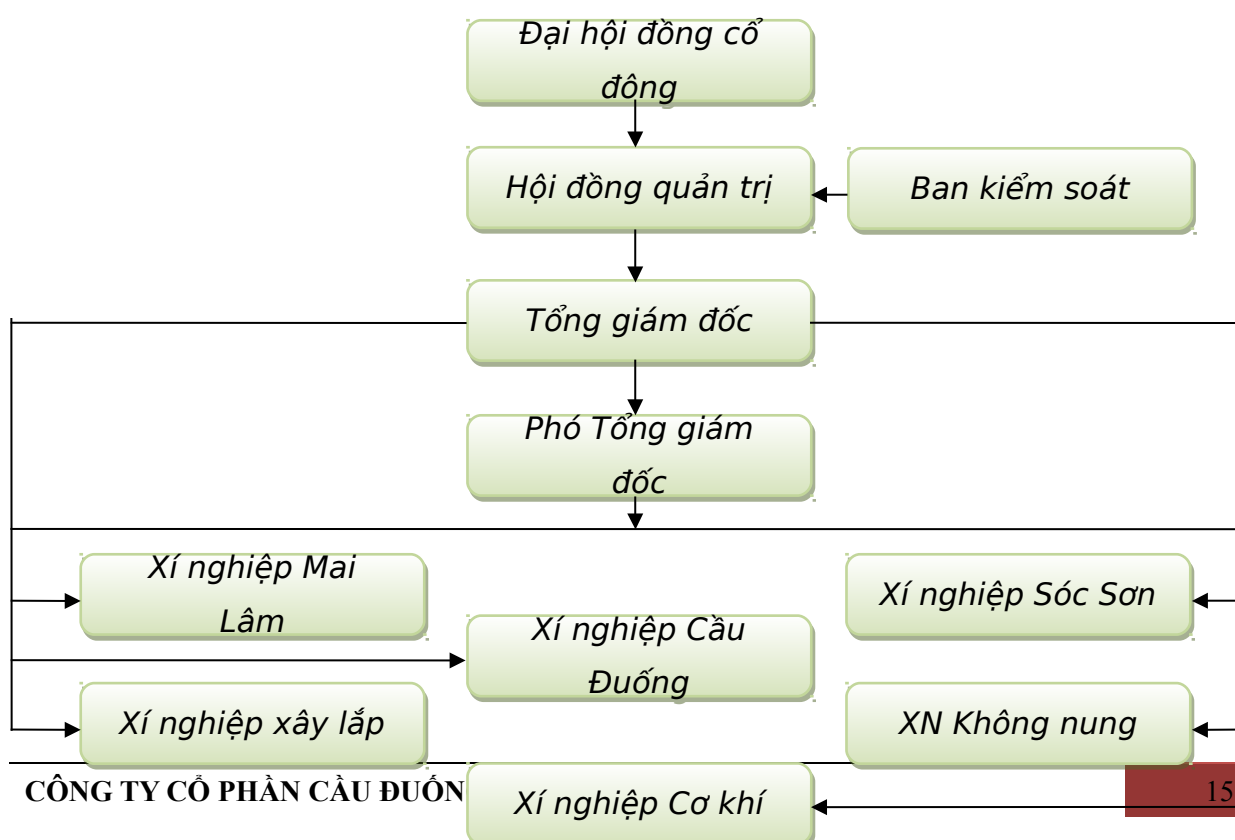
2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: không có

VII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của công ty:

Sơ đồ tổ chức:



**- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:**

+ *Tổng giám đốc:*

Ông Ngô Thành An

Năm sinh: 1968

Địa chỉ thường trú: Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Số CMND: 011348687 Nơi cấp: Công an Hà Nội

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học

Chuyên ngành: Kỹ sư xây dựng - Đại học xây dựng

+ *Phó Tổng giám đốc:*

Ông Hoàng Tiến Đạt

Năm sinh: 1976

Địa chỉ thường trú: Số 6 Đức Giang, Tổ 9A Đức Giang, Long Biên, Hà Nội

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Số CCCD: 001076005694 Nơi cấp: CTCCS CT và QLDC

Trình độ chuyên môn: Đại học

Chuyên ngành: Cử nhân kinh tế

- Quyền lợi của Ban Giám đốc:

+ Tiền lương kế hoạch năm 2019.

Ngô Thành An - Tổng giám đốc : 20.000.000 đ/tháng

Hoàng Tiến Đạt – Phó tổng giám đốc : 13.000.000 đ/tháng

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty***Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:*****- Hội đồng quản trị:**

Ông Vũ Đình Trường - Chủ tịch

Ông Ngô Văn Chăm – Thành viên

Ông Ngô Đức Dũng - Thành viên

Ông Ngô Thành An - Thành viên

Ông Trần Minh Quân - Thành viên

**- Ban kiểm soát:**

Ông Nguyễn Đức Tuấn - Trưởng ban

Bà Nguyễn Thị Huệ- Thành viên

Bà Nguyễn Thị Dung – Thành viên

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn**2.1. Công đông góp vốn Nhà nước**

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn Nhà nước:

Tổng công ty đầu tư phát hạ tầng và đô thị (UDIC) nắm giữ 1.478.995 cổ phần, chiếm tỷ lệ 43%.

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:

+ Họ Tên: Nguyễn Thị Phương

Địa chỉ liên lạc: 493 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội

Số lượng: 429.389 cổ phần, chiếm tỷ lệ 12,4%.

+ Họ tên: Nguyễn Thị Liên.

Địa chỉ: 179 Đội Cấn, Ba Đình, Hà nội.

Số lượng: 179.186 cổ phần chiếm tỷ lệ 5.2%

+ Họ tên: Nguyễn Văn Minh

Địa chỉ: Khu Trung tâm Xã Dục Tú, Huyện Đông Anh, Hà Nội

Số lượng: 174.099 cổ phần chiếm tỷ lệ 5,02%

2.2. Cổ đông góp vốn sáng lập:

| TT | Tên cổ đông | Địa chỉ | Số đăng ký KD/ CMND | Số lượng CP | Tỷ lệ |
|----|---|----------------------------------|------------------------|-------------|-------|
| 1 | TCT đầu tư phát triển hạ tầng đô thị (UDIC) | 27 Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa, HN | 0106000369 | 1.478.995 | 43 |
| 2 | Các cổ đông khác | Việt Nam | 0 | 1.391.616 | 44.6 |
| 3 | Nguyễn Thị Phương | 493 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, HN | PTA0297835A | 429.389 | 12.4 |

Tổng giám đốc

Ngô Thành An



PHỤ LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

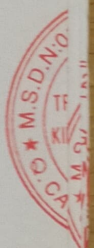


Figure 1 Báo cáo tài chính 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUỐNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐƯỜNG
Địa chỉ: Km 14 Quốc lộ 3, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 02 - 03 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 04 - 05 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 06 - 07 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 08 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 09 - 10 |
| BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 11 - 33 |

1972
CỔ
ĐIỂM
KIỂM TOÁN
VIỆ
/ GIA

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cầu Đuống (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

| | |
|--------------------|--|
| Ông Vũ Đình Trường | Chủ tịch (bỏ nhiệm từ ngày 10/05/2019) |
| Ông Hoàng Văn Tiến | Chủ tịch (miễn nhiệm từ ngày 10/05/2019) |
| Ông Ngô Đức Dũng | Thành viên |
| Ông Trần Minh Quân | Thành viên (bỏ nhiệm từ ngày 10/05/2019) |
| Ông Ngô Văn Châm | Thành viên |
| Ông Ngô Thành An | Thành viên |

Ban Tổng giám đốc

| | |
|------------------|---|
| Ông Ngô Thành An | Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm từ ngày 10/05/2019) |
| Ông Ngô Đức Dũng | Tổng giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 10/05/2019) |

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

2228
IG T/
EM HOC
VA DI
T NA
TI

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG

Địa chỉ: Km 14 Quốc lộ 3, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

*đính kèm Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019*

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

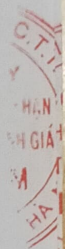
Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG



Ngô Thành An
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2020



Số: 157-20/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Cầu Đuống

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cầu Đuống (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 03/03/2020, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2019, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu khách hàng đã quá hạn thanh toán với số dư nợ gốc là 2.087.165.610 đồng để xem xét trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Với những tài liệu mà công ty cung cấp, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp về giá trị có thể thu hồi đối với số dư công nợ nêu trên cũng như không thể thực hiện được các

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

thủ tục kiểm toán để đánh giá giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2018-034-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|------------|--------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 35.635.712.498 | 44.265.473.921 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1. | 2.360.731.843 | 1.655.828.749 |
| 1. Tiền | 111 | | 2.360.731.843 | 1.655.828.749 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | V.2. | 12.000.000.000 | 9.000.000.000 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 12.000.000.000 | 9.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 6.820.358.501 | 14.561.358.642 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3. | 6.186.875.832 | 6.569.987.804 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4. | 117.500.000 | 87.501.547 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5. | 600.060.107 | 8.074.481.729 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (84.077.438) | (170.612.438) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 13.959.838.117 | 18.539.770.479 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7. | 14.104.757.952 | 19.160.254.356 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (144.919.835) | (620.483.877) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 494.784.037 | 508.516.051 |
| 1. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.15. | 494.784.037 | 508.516.051 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 20.612.952.554 | 22.622.959.571 |
| II. Tài sản cố định | 220 | V.12. | 17.159.008.374 | 18.528.826.747 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 17.159.008.374 | 18.528.826.747 |
| - Nguyên giá | 222 | | 73.445.299.988 | 71.898.450.450 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (56.286.291.614) | (53.369.623.703) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.10. | 2.656.363.636 | 2.656.363.636 |
| - Nguyên giá | 231 | | 2.656.363.636 | 2.656.363.636 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 17.169.717 | 259.556.000 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.8. | 17.169.717 | 259.556.000 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.2. | - | 225.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | 225.000.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 780.410.827 | 953.213.188 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.11. | 780.410.827 | 953.213.188 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 56.248.665.052 | 66.888.433.492 |

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---|------------|--------------|-----------------------|-----------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 10.962.323.964 | 19.000.321.729 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 10.962.323.964 | 18.997.750.602 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13. | 899.433.436 | 713.734.661 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.14. | 135.743.756 | 13.931.000 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.15. | 1.425.570.695 | 1.623.661.185 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 716.865.064 | 748.742.401 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.16. | 63.074.200 | 63.076.000 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.18. | 5.000.000 | - |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17. | 6.620.814.889 | 14.462.034.681 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.19. | 987.900.000 | 1.427.329.114 |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 107.921.924 | (54.758.440) |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | 2.571.127 |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | V.18. | - | 2.571.127 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 45.286.341.088 | 47.888.111.763 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.20. | 45.086.341.088 | 47.688.111.763 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 34.649.950.000 | 34.649.950.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 34.649.950.000 | 34.649.950.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 769.975.000 | 769.975.000 |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (840.000) | (840.000) |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 7.426.111.917 | 7.426.111.917 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 2.241.144.171 | 4.842.914.846 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 730.161 | 1.123.616.668 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 2.240.414.010 | 3.719.298.178 |
| 6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 200.000.000 | 200.000.000 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | 200.000.000 | 200.000.000 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 56.248.665.052 | 66.888.433.492 |

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG

Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Xuân Hoa

Nguyễn Thị Xuân Hoa

Ngô Thành An

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|------------------|----------------|
| | | | Năm 2019 | Năm 2018 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1. | 38.047.128.449 | 28.001.207.000 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | | 38.047.128.449 | 28.001.207.000 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2. | 27.613.619.426 | 17.096.619.169 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 10.433.509.023 | 10.904.587.831 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3. | 804.695.107 | 540.730.299 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4. | 247.113.308 | 18.169.233 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 94.967.308 | 168.780.738 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.7. | 873.120.437 | 711.837.084 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.7. | 6.316.219.317 | 6.079.059.740 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)} | 30 | | 3.801.751.068 | 4.636.252.073 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.5. | 1.800.000 | 486.949.974 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.6. | 788.154.129 | 585.976.613 |
| 13. Lợi nhuận khác (40= 31-32) | 40 | | (786.354.129) | (99.026.639) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 3.015.396.939 | 4.537.225.434 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.9. | 774.982.929 | 817.927.256 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 2.240.414.010 | 3.719.298.178 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10. | 646,6 | 875,9 |

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUỐNG
Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

[Signature]

[Signature]

Nguyễn Thị Xuân Hoa

Nguyễn Thị Xuân Hoa

Ngô Thành An



(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|-------------------|------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 3.015.396.939 | 4.537.225.434 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 2.986.730.411 | 3.100.654.824 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | (562.099.042) | (277.663.059) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (734.305) | (406.216) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (789.932.393) | (703.428.213) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 94.967.308 | 168.780.738 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 4.744.328.918 | 6.825.163.508 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 8.013.057.680 | 3.841.625.692 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 5.055.496.404 | (3.834.357.356) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (7.835.718.615) | (4.281.238.870) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 172.802.361 | (42.576.389) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (93.469.508) | (188.631.320) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (1.042.005.664) | - |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | (521.611.121) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 8.492.880.455 | 2.319.985.265 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (1.399.463.255) | (883.750.763) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 10.909.091 | 121.741.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (3.000.000.000) | (3.919.357.037) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | 2.797.404 |
| 5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 26 | 225.000.000 | 2.674.450.000 |
| 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 632.170.277 | 247.632.416 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (3.531.383.887) | (1.756.486.980) |

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---|-----------|----------------|------------------------|------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 5.201.087.544 | 4.687.843.232 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (5.640.516.658) | (5.725.113.418) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (3.817.898.665) | (981.224.075) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>(4.257.327.779)</i> | <i>(2.018.494.261)</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40) | 50 | | 704.168.789 | (1.454.995.976) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 1.655.828.749 | 3.110.418.509 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi | 61 | | 734.305 | 406.216 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | V.01 | 2.360.731.843 | 1.655.828.749 |

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG

Người lập

Kế toán trưởng

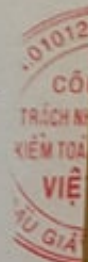
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Xuân Hoa

Nguyễn Thị Xuân Hoa

Ngô Thành An



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cầu Đuống (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 16/05/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Đầu tư xây dựng và Sản xuất vật liệu Cầu Đuống thành Công ty Cổ phần Cầu Đuống. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 26/06/2006. Công ty có 09 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104997 thay đổi lần thứ 09 ngày 22/05/2019 thì vốn điều lệ của Công ty là: **34.649.110.000 đồng** (Ba mươi tư tỷ, sáu trăm bốn mươi chín triệu, một trăm mười nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn Upcom với mã chứng khoán là CDG.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán sản phẩm vật liệu xây dựng, bán sản phẩm cơ khí;
- Hoạt động xây lắp;
- Cung cấp dịch vụ, vận chuyển, tư vấn, thiết kế, cho thuê nhà xưởng - kho bãi.

Trụ sở Công ty tại: Km 14 Quốc lộ 3, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm/kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua -

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Nguyên tắc kế toán và phương pháp khấu hao TSCĐ

7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Loại tài sản cố định

- Nhà cửa, vật kiến trúc
- Máy móc, thiết bị
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn
- Thiết bị, dụng cụ quản lý

Thời gian khấu hao <năm>

05 - 20
05 - 15
06 - 10
05 - 07

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm chi phí sửa chữa kho than pha, được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán theo từng hạng mục công trình, công trình hoặc chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí thuê nhà xưởng, chi phí lãi vay và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí lãi vay: Chi phí lãi vay liên quan đến quyền sử dụng đất phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí trả trước khác: Chi phí trả trước khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty không có số dư vay gốc ngoại tệ.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí lãi vay được xác định vào hợp đồng, kế ước vay, thời gian vay thực tế và khoản trích trước tiền ăn ca tháng 12 của cán bộ công nhân viên được xác định dựa vào bảng chấm công, các loại chi phí trên là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê đất; được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng thuê đất, chứng từ nhận tiền, hóa đơn.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tở thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tở sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán sản phẩm vật liệu xây dựng, doanh thu bán sản phẩm cơ khí, cung cấp dịch vụ, vận chuyển, tư vấn, thiết kế, cho thuê nhà xưởng – kho bãi, doanh thu hoạt động xây lắp và doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần Công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, số dư các khoản cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và chi phí dự phòng đầu tư tài chính.

18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

18.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành. Công ty đang áp dụng mức thuế GTGT 5% đối với doanh thu từ chuyển giao công nghệ, 10% đối với doanh thu bán vật liệu xây dựng, hoạt động xây lắp, tư vấn thiết kế và doanh thu khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền | 2.360.731.843 | 1.655.828.749 |
| Tiền mặt | 94.295.561 | 52.295.934 |
| Tiền gửi ngân hàng | 2.266.436.282 | 1.603.532.815 |
| Cộng | 2.360.731.843 | 1.655.828.749 |

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Ngắn hạn | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 | 9.000.000.000 | 9.000.000.000 |
| Cộng | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 | 9.000.000.000 | 9.000.000.000 |

(*) Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 13 tháng, lãi suất gốc theo từng hợp đồng tiền gửi cụ thể dao động từ 7,3% đến 8,5% và thay đổi tùy theo lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm cụ thể.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|------------|----------|--------------------|----------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | - | - | 225.000.000 | - |
| Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn | | | 225.000.000 | - |
| Cộng | - | - | 225.000.000 | - |

- Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn ngày 15/04/2019, Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn đã tiến hành phân chia số tiền còn lại của công ty tại 31/12/2018 sau khi hoàn tất thủ tục giải thể ngày 16/01/2019. Công ty CP Cầu Đuông đã nhận được số tiền sau khi phân chia theo Biên bản họp thống nhất và ghi giảm khoản đầu tư vào Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn trong năm.

3. Phải thu của khách hàng

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|--|-------------|----------|---------------|----------|
| | VND | | VND | |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn | | | | |
| Công ty TNHH Nho Quý | 440.000.000 | - | 440.000.000 | - |
| Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Toàn Linh | 554.863.091 | - | 1.016.232.736 | - |
| Công ty CP Creat capital Việt Nam | 947.460.000 | - | 947.460.000 | - |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

| | | | | |
|--|----------------------|-------------------|----------------------|--------------------|
| Các xí nghiệp của tổng Công ty TNHH Tiến Lương | 1.458.711.250 | - | - | - |
| Công ty TNHH Tiến Lương | - | - | 535.391.000 | - |
| Các đối tượng khác | 2.785.841.491 | 84.077.438 | 3.630.904.068 | 150.612.438 |
| Cộng | 6.186.875.832 | 84.077.438 | 6.569.987.804 | 150.612.438 |

4. Trả trước cho người bán

| | 31/12/2019 VND | | 01/01/2019 VND | |
|--|--------------------|----------|-------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn | | | | |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tài nguyên môi trường Hà Nội | 60.000.000 | - | 60.000.000 | - |
| Các đối tượng khác | 57.500.000 | - | 27.501.547 | - |
| Cộng | 117.500.000 | - | 87.501.547 | - |

5. Phải thu khác

| | 31/12/2019 VND | | 01/01/2019 VND | |
|---|--------------------|----------|----------------------|-------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a) Ngắn hạn | | | | |
| - Tạm ứng | 124.348.020 | - | 7.175.129.372 | - |
| Nguyễn Hữu Minh (Xí nghiệp Cơ khí) | - | - | 3.706.977.083 | - |
| Ngô Thành An (Xí nghiệp Cơ khí) | - | - | 3.319.934.885 | - |
| Đối tượng khác | 124.348.020 | - | 148.217.404 | - |
| - Phải thu khác | 475.712.087 | - | 899.352.357 | 20.000.000 |
| Thu bồi hoàn kiểm kê không nung - Nguyễn Đức Tuấn | 12.010.800 | - | 68.403.200 | - |
| Nguyễn Hữu Mạnh | - | - | 336.772.245 | - |
| Lãi dự thu tiền gửi | 322.682.192 | - | 118.526.332 | - |
| Phải thu về BHXH | 120.335.070 | - | 292.691.667 | - |
| Đối tượng khác | 20.684.025 | - | 82.958.913 | 20.000.000 |
| Cộng | 600.060.107 | - | 8.074.481.729 | 20.000.000 |

b) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

| 6. Nợ xấu | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|-------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi | | | | |
| <i>Phải thu khách hàng</i> | 84.077.438 | - | 150.612.438 | - |
| Công ty CP Xây dựng 556 | 49.334.844 | - | 49.334.844 | - |
| Công ty TNHH Toto Việt Nam | 34.742.594 | - | 34.742.594 | - |
| Công ty CP Hoa Phong | - | - | 66.535.000 | - |
| <i>Phải thu khác</i> | - | - | 20.000.000 | - |
| Tiền bảo lãnh thuê nhà - CN Hải Phòng | - | - | 20.000.000 | - |
| Cộng | 84.077.438 | - | 170.612.438 | - |

| 7. Hàng tồn kho | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|--------------------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|--------------------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 5.152.716.088 | - | 5.363.495.048 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 9.315.323 | - | 53.282.687 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 2.065.702.999 | - | 2.511.155.064 | - |
| Thành phẩm | 6.877.023.542 | 144.919.835 | 11.160.321.557 | 620.483.877 |
| Hàng hóa | - | - | 72.000.000 | - |
| Cộng | 14.104.757.952 | 144.919.835 | 19.160.254.356 | 620.483.877 |

(*) Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 475.564.042 VND. Lý do dẫn đến hoàn nhập là do trong năm Công ty đã tiêu thụ được một số hàng tồn kho đã trích lập dự phòng.

| 8. Tài sản dở dang dài hạn | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|-------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| <i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i> | | |
| Nhà xưởng xí nghiệp Mai Lâm | - | 259.556.000 |
| Sửa chữa kho than pha | 17.169.717 | - |
| Cộng | 17.169.717 | 259.556.000 |

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

10.1 Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá

| Khoản mục | Đơn vị tính: VND | | | |
|-------------------|------------------|----------------|----------------|---------------|
| | 01/01/2019 | Tăng trong năm | Giảm trong năm | 31/12/2019 |
| Nguyên giá | 2.656.363.636 | - | - | 2.656.363.636 |
| Quyền sử dụng đất | 2.656.363.636 | - | - | 2.656.363.636 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

| | | | | |
|------------------------------|---------------|---|---|---------------|
| Tồn thất do suy giảm giá trị | - | - | - | - |
| Quyền sử dụng đất | - | - | - | - |
| Giá trị còn lại | 2.656.363.636 | - | - | 2.656.363.636 |
| Quyền sử dụng đất | 2.656.363.636 | - | - | 2.656.363.636 |

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

11. Chi phí trả trước

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Dài hạn | | |
| Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ | 296.849.721 | 769.014.464 |
| Chi phí sửa chữa tài sản | 123.631.681 | 184.198.724 |
| Chi phí lãi vay | 286.887.000 | - |
| Chi phí trả trước khác | 73.042.425 | - |
| Cộng | <u>780.410.827</u> | <u>953.213.188</u> |

C. P. 2
T. Y.
Đ. U. H. A.
Đ. I. N. H. G.
A. M.
T. P. V.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG

Địa chỉ: Km 14 Quốc lộ 3, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| Chỉ tiêu | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Đơn vị tính: VND |
|-------------------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư ngày 01/01/2019 | 33.946.917.405 | 31.060.806.747 | 6.438.196.995 | 452.529.303 | 71.898.450.450 |
| Mua trong năm | 710.000.000 | 70.000.000 | - | 79.759.682 | 859.759.682 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 782.089.856 | - | - | - | 782.089.856 |
| Phân loại lại | - | (725.000.000) | 725.000.000 | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (95.000.000) | - | - | (95.000.000) |
| Số dư ngày 31/12/2019 | 35.439.007.261 | 30.310.806.747 | 7.163.196.995 | 532.288.985 | 73.445.299.988 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư ngày 01/01/2019 | 24.567.629.764 | 23.034.904.599 | 5.335.810.335 | 431.279.005 | 53.369.623.703 |
| Khấu hao trong năm | 1.270.564.907 | 1.347.752.939 | 361.528.303 | 6.884.262 | 2.986.730.411 |
| Phân loại lại | - | (264.249.995) | 264.249.995 | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (70.062.500) | - | - | (70.062.500) |
| Số dư ngày 31/12/2019 | 25.838.194.671 | 24.048.345.043 | 5.961.588.633 | 438.163.267 | 56.286.291.614 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2019 | 9.379.287.641 | 8.025.902.148 | 1.102.386.660 | 21.250.298 | 18.528.826.747 |
| Tại ngày 31/12/2019 | 9.600.812.590 | 6.262.461.704 | 1.201.608.362 | 94.125.718 | 17.159.008.374 |

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 33.453.393.201 VND (Tại thời điểm 31/12/2018 là 32.967.774.153 VND)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Phải trả người bán

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|--------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| | VND | | VND | |
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Ngắn hạn</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần Sơn Lâm | - | - | 314.603.636 | 314.603.636 |
| Công ty CP Xây dựng và Thương mại Đắc Chí | 474.424.775 | 474.424.775 | - | - |
| Công ty CP Phát triển thương mại và Đầu tư xây dựng Hoàng Gia | 159.949.600 | 159.949.600 | 285.511.600 | 285.511.600 |
| Các đối tượng khác | 265.059.061 | 265.059.061 | 113.619.425 | 113.619.425 |
| Cộng | 899.433.436 | 899.433.436 | 713.734.661 | 713.734.661 |

14. Người mua trả tiền trước

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---------------------------------|--------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| <i>Ngắn hạn</i> | | |
| Công ty TNHH Vận tải Việt Thịnh | 78.600.329 | - |
| Các đối tượng khác | 57.143.427 | 13.931.000 |
| Cộng | 135.743.756 | 13.931.000 |

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 01/01/2019 | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Đơn vị tính: VND |
|--|----------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|
| | | | | 31/12/2019 |
| <i>a) Phải nộp</i> | | | | |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 1.898.942.558 | 1.770.910.349 | 128.032.209 |
| Thuế TNDN | 950.723.459 | 781.982.929 | 1.042.005.664 | 690.700.724 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 41.428.678 | 146.623.980 | 115.764.491 | 72.288.167 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 396.359.057 | 4.330.122.161 | 4.427.081.613 | 299.399.605 |
| Các loại thuế khác | - | 159.249.109 | 159.249.109 | - |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 235.149.991 | 733.673.167 | 733.673.168 | 235.149.990 |
| Cộng | 1.623.661.185 | 8.050.593.904 | 8.248.684.394 | 1.425.570.695 |

(*) Số thuế TNDN phải nộp trong năm bao gồm số thuế TNDN phải nộp là 774.982.929 VND và số thuế TNDN truy thu là 7.000.000 VND.

b) Phải thu

| | 01/01/2019 | Số phải thu trong năm | Số đã thực thu trong năm | 31/12/2019 |
|----------------------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 493.430.761 | - | - | 493.430.761 |
| Thuế TNCN | - | 787.500 | 2.140.776 | 1.353.276 |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 15.085.290 | - | 15.085.290 | - |
| Cộng | 508.516.051 | 787.500 | 17.226.066 | 494.784.037 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

| 16. Chi phí phải trả | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| <i>Ngắn hạn</i> | | |
| Chi phí lãi vay phải trả | 13.906.100 | 12.408.300 |
| Tiền ăn ca phải trả | 49.168.100 | 50.667.700 |
| Cộng | 63.074.200 | 63.076.000 |
| | | |
| 17. Phải trả khác | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
| | VND | VND |
| <i>a) Ngắn hạn</i> | | |
| - Kinh phí công đoàn | 21.246.660 | 68.472.785 |
| - Bảo hiểm xã hội | - | 109.416.675 |
| - Bảo hiểm y tế | - | 19.521.450 |
| - Bảo hiểm thất nghiệp | - | 8.676.200 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 6.599.568.229 | 14.255.947.571 |
| <i>Ông Nguyễn Hữu Minh (*)</i> | <i>3.747.309.768</i> | <i>7.861.963.322</i> |
| <i>Ông Nguyễn Thành An (*)</i> | <i>1.063.422.512</i> | <i>3.558.716.685</i> |
| <i>Cổ tức phải trả</i> | <i>1.091.225.960</i> | <i>751.231.425</i> |
| <i>Các đối tượng khác</i> | <i>697.609.989</i> | <i>2.084.036.139</i> |
| Cộng | 6.620.814.889 | 14.462.034.681 |
| <i>(*) Là khoản phải trả ông Nguyễn Hữu Minh, Ngô Thành An theo các hợp đồng xây dựng, lắp đặt cơ khí.</i> | | |
| <i>b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2</i> | | |
| | | |
| 18. Doanh thu chưa thực hiện | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
| | VND | VND |
| <i>a) Ngắn hạn</i> | <i>5.000.000</i> | - |
| Doanh thu trả trước về cho thuê đất | 5.000.000 | - |
| <i>b) Dài hạn</i> | - | 2.571.127 |
| Doanh thu trả trước về cho thuê đất | - | 2.571.127 |
| Cộng | 5.000.000 | 2.571.127 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀU ĐUÔNG
Km 14 Quốc lộ 3, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| Chỉ tiêu | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Đơn vị tính: VND | |
|------------------------------------|------------------------|----------------------|--------------|-----------------------------------|------------------|-----------------|
| | | | | | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
| Số dư tại ngày 01/01/2018 | 34.649.950.000 | 769.975.000 | (840.000) | 438.771.038 | | 35.857.856.038 |
| Tăng vốn trong năm trước | - | - | - | - | | - |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | 3.719.298.178 | | 3.719.298.178 |
| Tăng khác (*) | - | - | - | 2.417.301.130 | | 2.417.301.130 |
| Chia cổ tức | - | - | - | (1.732.455.500) | | (1.732.455.500) |
| Số dư tại ngày 31/12/2018 | 34.649.950.000 | 769.975.000 | (840.000) | 4.842.914.846 | | 40.261.999.846 |
| Lãi trong năm này | - | - | - | 2.240.414.010 | | 2.240.414.010 |
| Chia trả cổ tức (*) | - | - | - | (4.157.893.200) | | (4.157.893.200) |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*) | - | - | - | (684.291.485) | | (684.291.485) |
| Số dư tại ngày 31/12/2019 | 34.649.950.000 | 769.975.000 | (840.000) | 2.241.144.171 | | 37.660.229.171 |

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 ngày 26 tháng 04 năm 2019.

20.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tổng Công ty Đầu tư và phát triển hạ tầng Đô thị | 14.789.950.000 | 14.789.950.000 |
| Nguyễn Thị Phương | 4.235.040.000 | 4.235.040.000 |
| Nguyễn Văn Minh | 1.740.990.000 | 384.170.000 |
| Nguyễn Thị Liên | 1.791.860.000 | 1.791.860.000 |
| Các cổ đông khác | 12.092.110.000 | 13.448.930.000 |
| Cộng | 34.649.950.000 | 34.649.950.000 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

| | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| Vốn góp của chủ sở hữu | | |
| - Vốn góp đầu năm | 34.649.950.000 | 34.649.950.000 |
| - Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| - Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| - Vốn góp cuối năm | 34.649.950.000 | 34.649.950.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 4.157.893.200 | 1.732.455.500 |

20.4 Cổ phiếu

| | 31/12/2019 Cổ phiếu | 01/01/2019 Cổ phiếu |
|--|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 3.464.995 | 3.464.995 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 3.464.995 | 3.464.995 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 3.464.995 | 3.464.995 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | 84 | 84 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 84 | 84 |
| - Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 3.464.911 | 3.464.911 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 3.464.911 | 3.464.911 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu | | |

20.5 Các quỹ của doanh nghiệp

| Khoản mục | 01/01/2019 | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Đơn vị tính: VND |
|-----------------------|----------------------|-------------------|-------------------|----------------------|
| | | | | 31/12/2019 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 7.426.111.917 | - | - | 7.426.111.917 |
| Cộng | 7.426.111.917 | - | - | 7.426.111.917 |

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

| 21. Nguồn kinh phí | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND |
|---|---------------------------------|-------------------|
| | Nguồn kinh phí còn lại cuối năm | 200.000.000 |
| 22. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
| <i>Ngoại tệ các loại</i> | | |
| Nghân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (USD) | 200,45 | 693,45 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| 1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Doanh thu</i> | 2.048.525.728 | 1.618.435.153 |
| Doanh thu bán hàng hóa, vật tư | 16.453.482.099 | 12.884.915.346 |
| Doanh thu bán các thành phẩm | 8.899.978.622 | 4.163.805.228 |
| Doanh thu vận chuyển, cơ khí, xây lắp | 10.645.142.000 | 9.334.051.273 |
| Doanh thu cho thuê nhà xưởng | | |
| Cộng | 38.047.128.449 | 28.001.207.000 |
| | | |
| 2. Giá vốn hàng bán | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
| Giá vốn của hàng hoá, vật tư đã bán | 1.855.553.609 | 1.359.428.844 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 14.880.087.765 | 9.991.545.576 |
| Giá vốn hoạt động vận chuyển, cơ khí, xây lắp | 8.742.464.190 | 4.080.529.438 |
| Giá vốn cho thuê nhà xưởng | 2.611.077.904 | 1.792.166.865 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (475.564.042) | (127.051.554) |
| Cộng | 27.613.619.426 | 17.096.619.169 |
| | | |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 632.170.277 | 247.632.416 |
| Lãi dự thu tiền gửi | 171.790.525 | 292.691.667 |
| Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm | 734.305 | 406.216 |
| Cộng | 804.695.107 | 540.730.299 |
| | | |
| 4. Chi phí tài chính | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
| Chi phí lãi vay | 94.967.308 | 168.780.738 |
| Lỗ do thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 152.146.000 | - |
| Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào công ty con | - | (150.611.505) |
| Cộng | 247.113.308 | 18.169.233 |
| | | |
| 5. Thu nhập khác | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
| Thu từ thanh lý tài sản cố định | - | 163.104.130 |
| Thu từ bán phế liệu | - | 14.545.451 |
| Thuế được miễn giảm | - | 304.964.029 |
| Các khoản khác | 1.800.000 | 4.336.364 |
| Cộng | 1.800.000 | 486.949.974 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

| 6. Chi phí khác | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí thanh lý tài sản cố định | 14.028.409 | - |
| Chi phí phạt chậm nộp tiền thuế đất | 774.125.720 | 574.223.225 |
| Chi phí khác | - | 11.753.388 |
| Cộng | 788.154.129 | 585.976.613 |
| 7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
| <i>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i> | <i>873.120.437</i> | <i>711.837.084</i> |
| Chi phí nhân viên | 83.661.000 | 93.195.999 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 31.256.271 | 40.168.000 |
| Chi phí bằng tiền khác | 758.203.166 | 578.473.085 |
| <i>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i> | <i>6.382.754.317</i> | <i>6.079.059.740</i> |
| Chi phí nhân viên quản lý | 1.244.705.919 | 1.172.020.310 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 28.143.347 | 76.696.819 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 174.629.091 | 233.955.961 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 132.481.718 | 196.445.957 |
| Thuế, phí và lệ phí | 4.443.820.055 | 4.107.259.411 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 84.057.685 | 238.129.502 |
| Chi phí bằng tiền khác | 274.916.502 | 54.551.780 |
| <i>c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</i> | <i>66.535.000</i> | <i>-</i> |
| Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi | 66.535.000 | - |
| 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 8.707.060.455 | 9.230.456.668 |
| Chi phí nhân công | 6.145.852.856 | 7.899.480.836 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.986.730.411 | 3.100.654.824 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.447.706.633 | 9.762.903.200 |
| Chi phí khác bằng tiền | 7.819.096.963 | 5.067.689.171 |
| Cộng | 33.106.447.318 | 35.061.184.699 |
| 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.015.396.939 | 4.537.225.434 |
| Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp | 774.125.720 | 574.690.859 |
| Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động | - | (1.022.280.011) |
| Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.789.522.659 | 4.089.636.282 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 20% | 20% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 757.904.532 | 817.927.256 |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | 17.078.397 | - |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 774.982.929 | 817.927.256 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | 2.240.414.010 | 3.719.298.178 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*) | - | (684.291.485) |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 2.240.414.010 | 3.035.006.693 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 3.464.911 | 3.464.911 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**) | 646,6 | 875,9 |

(*) Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 26/04/2019. Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 chưa được Công ty loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có cơ sở ước tính.

(**) Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2018 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019:

| | Năm 2018 Số trước điều chỉnh VND | Số điều chỉnh VND | Năm 2018 Số sau điều chỉnh VND |
|--|---|----------------------|---|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | 3.719.298.178 | - | 3.719.298.178 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | - | (684.291.485) | (684.291.485) |
| Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | (684.291.485) | (684.291.485) |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 3.719.298.178 | (684.291.485) | 3.035.006.693 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 3.464.911 | - | 3.464.911 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.073 | - | 875,9 |

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

| | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|--|-----------------|-----------------|
| 1. Số tiền đi vay thực thu trong năm: | | |
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 5.201.087.544 | 4.687.843.232 |
| 2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm: | | |
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường; | 5.640.516.658 | 5.725.113.418 |

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Ông Nguyễn Hữu Minh
Ông Ngô Thành An

Mối quan hệ

Giám đốc xí nghiệp cơ khí
Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

(*) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|---------------------|----------------------|----------------------|
| Chi tạm ứng | 309.180.000 | 4.099.618.780 |
| Ông Nguyễn Hữu Minh | 309.180.000 | 1.582.963.895 |
| Ông Ngô Thành An | - | 2.516.654.885 |
| Thu tạm ứng | 7.336.091.968 | 3.892.201.895 |
| Ông Nguyễn Hữu Minh | 4.016.157.083 | 1.913.681.895 |
| Ông Ngô Thành An | 3.319.934.885 | 1.978.520.000 |

(*) Số dư với các bên liên quan

| | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|--------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Các khoản phải trả khác | 4.810.732.280 | 11.420.680.007 |
| Ông Nguyễn Hữu Minh | 3.747.309.768 | 7.861.963.322 |
| Ông Ngô Thành An | 1.063.422.512 | 3.558.716.685 |
| Tạm ứng | - | 7.026.911.968 |
| Ông Nguyễn Hữu Minh | - | 3.706.977.083 |
| Ông Ngô Thành An | - | 3.319.934.885 |

(*) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

| | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|---------------|--------------------|--------------------|
| Lương, thưởng | 404.762.647 | 208.352.667 |
| Cộng | 404.762.647 | 208.352.667 |

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.19, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

| Công nợ tài chính | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Các khoản vay | 987.900.000 | 1.427.329.114 |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.360.731.843 | 1.655.828.749 |
| Nợ thuần | (1.372.831.843) | (228.499.635) |
| Vốn chủ sở hữu | 45.086.341.088 | 47.688.111.763 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

| | Giá trị ghi số | |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.360.731.843 | 1.655.828.749 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 6.702.858.501 | 14.473.857.095 |
| Các khoản đầu tư tài chính | 12.000.000.000 | 9.000.000.000 |
| Tổng cộng | 21.063.590.344 | 25.129.685.844 |
| Công nợ tài chính | | |
| Các khoản vay | 987.900.000 | 1.427.329.114 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 7.520.248.325 | 15.175.769.342 |
| Chi phí phải trả | 63.074.200 | 63.076.000 |
| Tổng cộng | 8.571.222.525 | 16.666.174.456 |

Công ty chưa đánh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1-5 năm VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|------------------|
| 31/12/2019 | | | |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 7.520.248.325 | - | 7.520.248.325 |
| Chi phí phải trả | 63.074.200 | - | 63.074.200 |
| Các khoản vay | 987.900.000 | - | 987.900.000 |
| | Dưới 1 năm VND | Từ 1-5 năm VND | Cộng VND |
| 01/01/2018 | | | |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 15.175.769.342 | - | 15.175.769.342 |
| Chi phí phải trả | 63.076.000 | - | 63.076.000 |
| Các khoản vay | 1.427.329.114 | - | 1.427.329.114 |

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1-5 năm VND | Cộng VND |
|--------------------------------------|-------------------|-------------------|----------------|
| 31/12/2019 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.360.731.843 | - | 2.360.731.843 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 6.702.858.501 | - | 6.702.858.501 |
| Các khoản đầu tư tài chính | 12.000.000.000 | - | 12.000.000.000 |
| | Dưới 1 năm VND | Từ 1-5 năm VND | Cộng VND |
| 01/01/2018 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.655.828.749 | - | 1.655.828.749 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 14.473.857.095 | - | 14.473.857.095 |
| Các khoản đầu tư tài chính | 9.000.000.000 | - | 9.000.000.000 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Cầu Đuống đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

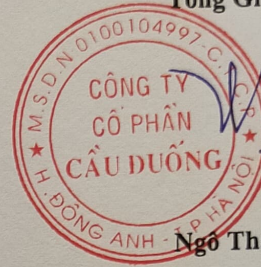
Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUỐNG

Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Xuân Hoa

Nguyễn Thị Xuân Hoa

Ngô Thành An